

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

HỒ SƠ DỰ TOÁN

CÔNG TRÌNH : NẠO VẾT, ĐÁP BỜ KÊNH HÚT TRẠM BƠM NẢI SƠN 3
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG : XÃ TỨ SƠN, HUYỆN KIẾN THUY, TP. HẢI PHÒNG
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ : PHÒNG QUẢN LÝ NƯỚC & CÔNG TRÌNH

HẢI PHÒNG, NĂM 2023

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH : NẠO VẾT, ĐÁP BỜ KÊNH HÚT TRẠM BƠM NẢI SƠN 3
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÚ SƠN, HUYỆN KIẾN THUY, TP. HẢI PHÒNG

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí Vật liệu	VL	A1	7.208.000
	+ Theo tổng hợp vật tư	A1	Bảng tổng hợp vật tư	7.208.000
2	Chi phí Nhân công	NC	B1	209.150.916
	+ Theo tổng hợp vật tư	B1	Bảng tổng hợp vật tư	209.150.916
3	Chi phí Máy thi công	M	C1	118.873.836
	+ Theo tổng hợp vật tư	C1	Bảng tổng hợp vật tư	118.873.836
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	335.232.752
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	C	T x 6,1%	20.449.198
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2%	6.704.655
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + LT + TT)	27.153.853
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x 5,5%	19.931.263
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	382.317.868
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 5%	19.115.893
V	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxd	G+GTGT	401.433.761
	LÀM TRÒN			401.434.000

Bằng chữ : Bốn trăm linh một triệu bốn trăm ba mươi tư nghìn đồng chẵn./.

Ngày tháng năm 2023

CÔNG TY TNHH MỸ KHAI THÁC CTTL ĐÀ ĐỘ

PHÒNG QUẢN LÝ NƯỚC VÀ CÔNG TRÌNH

TRƯỞNG PHÒNG

NGƯỜI LẬP



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trung Hiền

Phạm Hà Thanh

Phạm Hà Thanh

Đông Quốc Hiến

Đông Quốc Hiến

BẢNG DỰ TOÁN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH : NẠO VẾT, ĐÁP BỜ KÊNH HÚT TRẠM BƠM NẢI SƠN 3
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TỨ SƠN, HUYỆN KIÊN THUY, TP. HẢI PHÒNG

TT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác / Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)			Thành tiền (đ)		
					Vật liệu	Nhân công	Máy T.C	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	HM	NẠO VẾT, ĐÁP BỜ KÊNH								
1	AB 27111	Đào kênh mương, chiều rộng <= 6m, máy đào 0,8m ³ , đất cấp I $5593,48/100 = 55,9348$	100m ³	54,022		878.573,	955.142,	0,	47.462.270,6	51.598.681,1
2	ĐĐ.0101	Đắp bờ bao bằng máy đào có dung tích gầu 0,65m ³ trong điều kiện địa chất yếu, số lượng máy đào 1 máy $4354,35/100 = 43,5435$	100m ³	42,2695		327.528,	1.774.090,	0,	13.844.444,8	74.989.897,3
3	AB.13211	Đắp bờ kênh mương bằng thủ công, dung trọng <= 1,45 T/m ³ $1184 = 1184$	m ³	1.142,		126.143,		0,	144.055.306,	0,
4	TT	Thép tấm chống lầy phục vụ máy đào $424 = 424$	kg	424,	17.000,			7.208.000,	0,	0,
5	N1.40	Nhân công bậc 4/7 lắp đặt, tháo dỡ thép tấm chống lầy.	công	6,		262.697,		0,	1.576.182,	0,
6	N1.30	Nhân công bậc 3/7 thu dọn mặt bằng	công	10,		221.303,		0,	2.213.030,	0,
		CHI PHÍ VẬN CHUYỂN THIẾT BỊ ĐẾN CÔNG TRƯỜNG								
7	M101	Ô tô vận tải thùng 12T vận chuyển tấm chống lầy	ca	2,			1.913.578,	0,	0,	3.827.156,
8	M147 + M122	Ô tô đầu kéo 150Cv + rơ moóc 15T vận chuyển máy xúc	ca	2,			1.682.169,	0,	0,	3.364.338,
9	M179	Cần trục bánh hơi 16T bốc dỡ máy xúc và thép tấm chống lầy	ca	2,			2.665.772,	0,	0,	5.331.544,
	THM	Tổng cộng: NẠO VẾT, ĐÁP BỜ KÊNH						7.208.000	209.151.233	139.111.616

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ VÀ CHÊNH LỆCH GIÁ
CÔNG TRÌNH : NẠO VẾT, ĐÁP BỜ KÊNH HÚT TRẠM BƠM NẢI SƠN 3
NẠO VẾT, ĐÁP BỜ KÊNH

STT	Mã số	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Giá gốc (đ)	Hệ số	Giá H.T (đ)	Thành tiền (đ)
I		VẬT LIỆU						
1	TT	Thép tấm chống lầy phục vụ máy đào	kg	424,	17.000,	1,	17.000,	7.208.000,
		TỔNG VẬT LIỆU						7.208.000,
II		NHÂN CÔNG						
1	N1.30	Nhân công 3,0/7 - Nhóm 1	công	937,9662	221.303,	1,	221.303,	207.574.734,
2	N1.40	Nhân công 4,0/7 - Nhóm 1	công	6,	262.697,	1,	262.697,	1.576.182,
		TỔNG NHÂN CÔNG						209.150.916,
III		MÁY THI CÔNG						
1	M102.0106	Cần trục ô tô - sức nâng : 16,0 T	ca	2,	2.665.772,	1,	2.376.679,	4.753.358,
2	M101.0103	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu : 0,65 m3	ca	27,8133	2.696.186,	1,	2.299.523,	63.957.323,1
3	M101.0104	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu : 0,80 m3	ca	17,5572	2.938.899,	1,	2.501.899,	43.926.341,1
4	M106.0301	Ô tô đầu kéo - công suất : 150,0 CV	ca	2,	1.538.740,	1,	1.337.047,	2.674.094,
5	M106.0108	Ô tô vận tải thùng - trọng tải : 12,0 T	ca	2,	1.913.578,	1,	1.637.931,	3.275.862,
6	M106.0801	Rơ moóc - trọng tải : 15,0 T	ca	2,	143.429,	1,	143.429,	286.858,
		TỔNG MÁY THI CÔNG						118.873.836

CÔNG TRÌNH: NẠO VẾT, ĐẮP BỜ KÊNH HÚT TRẠM BƠM NAI SƠN 3
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ TỬ SƠN, HUYỆN KIẾN THUY, TP. HẢI PHÒNG

Tên cọc	Khoảng cách (m)		Diện tích (m2)			Khối lượng (m3)			Ghi chú
	Thực	Áp dụng	Đào máy	Đắp bờ bằng máy	Đắp bờ TC	Đào máy	Đắp bờ bằng máy	Đắp bờ TC	
1		25	6,75	4,49	1,20	168,75	112,25	30,00	
	50								
2		50	6,39	4,97	1,20	319,50	248,50	60,00	
	50								
3		50	5,63	5,07	1,20	281,50	253,50	60,00	
	50								
4		50	6,21	3,27	1,09	310,50	163,50	54,50	
	50								
5		50	6,12	4,14	1,09	306,00	207,00	54,50	
	50								
6		50	5,93	2,00	1,02	296,50	100,00	51,00	
	50								
7		50	5,90	3,44	1,15	295,00	172,00	57,50	
	50								
8		50	6,35	2,38	1,11	317,50	119,00	55,50	
	50								
9		50	4,59	4,31	1,18	229,50	215,50	59,00	
	50								
10		50	4,84	5,86	1,20	242,00	293,00	60,00	
	50								
11		50	5,14	6,49	1,20	257,00	324,50	60,00	
	50								
12		50	5,96	4,31	1,08	298,00	215,50	54,00	
	50								
13		50	5,41	5,86	1,20	270,50	293,00	60,00	
	50								
14		50	5,39	5,43	1,20	269,50	271,50	60,00	
	50								
15		50	5,00	4,96	1,20	250,00	248,00	60,00	
	50								
16		50	4,86	3,87	1,20	243,00	193,50	60,00	
	50								
17		50	4,89	3,89	1,20	244,50	194,50	60,00	
	50								
18		50	4,65	4,38	1,20	232,50	219,00	60,00	
	50								
19		50	5,32	3,72	1,20	266,00	186,00	60,00	
	50								

Tên cọc	Chiều dài (m)		Diện tích (m ²)			Chiều dài (m)			Đơn vị
	Thực	Áp dụng	Đào máy	Đắp bờ bằng máy	Đắp bờ TC	Đào máy	Đắp bờ bằng máy	Đắp bờ TC	
20		40	5,62	3,52	1,20	224,80	140,80	48,00	
	30								
21		15	5,31	3,76	1,20	79,65	56,40	18,00	
TỔNG	980	980				5402,20	4226,95	1142,00	

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

- Chiều dài tuyến kênh: 980 m
- Khối lượng đất đào lòng kênh: 5402,20 m³
- Khối lượng đất đắp bờ kênh: 5368,95 m³
 - Khối lượng đất đắp bờ bằng máy: 4226,95 m³
 - Khối lượng đất đắp bờ bằng thủ công: 1142,00 m³
- Thép tấm chống lầy phục vụ thi công (KH 30%): 424 kg
 - 3 tấm kích thước 2*3m, thép dày 10mm, Tr.lượng = 3*2*3*78,5kg/m³
- Ô tô vận tải thùng 12T vận chuyển tấm chống lầy: 2 ca
- Ô tô đầu kéo 150Cv + rơ moóc 15T vận chuyển máy xúc: 2 ca
- Cần trục bánh hơi 16T bốc dỡ máy xúc và thép tấm chống lầy: 2 ca
- Nhân công lắp đặt, tháo dỡ thép tấm chống lầy (3 công /1 vị trí): 6 công
- Nhân công dọn mặt bằng thi công: 10 công

NGƯỜI LẬP

Hiệu

Đồng Quốc Hiến